

LESSON 2**I. NEW WORDS**

- sale assistant	: người phụ tá bán hàng
- check	: kiểm tra
- a pair of socks	: một đôi tất ngắn
- a pair of shorts	: một cái quần đùi, quần soọc
- a pair of slippers	: một đôi dép lê
- sandals	: dép, xăng - đan
-	